

SỞ TƯ PHÁP TỈNH TUYỀN QUANG

ĐỀ CƯƠNG GIỚI THIỆU NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT DOANH NGHIỆP

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2025.

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT

Trên cơ sở chủ trương, định hướng của Đảng, Nhà nước, trong quá trình thực hiện quy định tại Luật Doanh nghiệp đã phát sinh một số quy định cần thiết phải được sửa đổi, bổ sung nhằm kịp thời tháo gỡ khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của người dân, doanh nghiệp; cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; khơi dậy mọi tiềm năng và nguồn lực, tạo động lực mới cho sự phát triển nhanh và bền vững đất nước.

Ngoài ra, việc ban hành Luật là cần thiết để bổ sung quy định thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp theo cam kết của Chính phủ Việt Nam trong thực thi Kế hoạch hành động quốc gia về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố và tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt giai đoạn 2021 – 2025 của Lực lượng đặc nhiệm tài chính (FATF).

II. MỤC TIÊU, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG LUẬT

1. Mục đích

Một là, tiếp tục hoàn thiện khung khổ pháp lý về thành lập, tổ chức và hoạt động có liên quan của doanh nghiệp; thúc đẩy phát triển doanh nghiệp, thu hút đầu tư vào sản xuất kinh doanh; góp phần cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi, an toàn và minh bạch.

Hai là, đảm bảo tính cấp thiết, kịp thời, đầy đủ, đồng bộ, thống nhất, hiệu lực, hiệu quả và phù hợp với yêu cầu của thực tiễn.

Ba là, đảm bảo thực thi cam kết quốc tế của Việt Nam trong triển khai hành động quốc gia về phòng, chống rửa tiền.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo Luật

Thứ nhất, thể chế hóa đầy đủ quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước về phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật, tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, an toàn, bình đẳng cho doanh nghiệp phát triển.

Thứ hai, đổi mới, hoàn thiện việc xây dựng Luật bám sát theo tinh thần Kết luận số 119-KL/TW ngày 20/01/2025 của Bộ Chính trị, phân định rõ thẩm quyền lập pháp và thẩm quyền lập quy theo quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng triết để công nghệ

thông tin trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp.

Thứ ba, kế thừa, phát huy và hoàn thiện những quy định pháp luật về quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp còn phù hợp với thực tế, có tác động tích cực đối với sự phát triển của doanh nghiệp. Tập trung sửa đổi, bổ sung một số quy định có mâu thuẫn, đang gây khó khăn, vướng mắc, yêu cầu cần sửa đổi để tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh, hiện thực hóa đầy đủ quyền tự do kinh doanh của doanh nghiệp, cải thiện môi trường kinh doanh và nâng cao hiệu lực quản lý của nhà nước đối với doanh nghiệp.

Thứ tư, đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật; bảo đảm sự phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên và các thỏa thuận, cam kết của Việt Nam, tham khảo có chọn lọc kinh nghiệm của các nước liên quan đến nội dung chính sách để bảo đảm sự tương đồng giữa pháp luật Việt Nam với pháp luật các nước.

III. BỐ CỤC CỦA LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT DOANH NGHIỆP

Luật bao gồm 3 Điều. Các quy định sửa đổi, bổ sung tại Luật tuân thủ nguyên tắc đảm bảo quyền tự do kinh doanh, cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh và nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp. Cụ thể như sau:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Luật Doanh nghiệp

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp.

IV. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT DOANH NGHIỆP

1. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 4 như sau:

Thuật ngữ	Quy định 2020	Quy định 2025	Ý nghĩa
Cổ tức	Cổ tức là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác.	Cổ tức là khoản lợi nhuận sau thuế được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền hoặc bằng tài sản khác.	Mở rộng hình thức trả cổ tức giúp linh hoạt hơn trong chia lợi nhuận, phù hợp với thực tiễn kinh doanh hiện đại.
Giá thị trường của phần vốn góp hoặc cổ phần	Giá thị trường của phần vốn góp hoặc cổ phần là: giá giao dịch trên thị trường tại thời điểm liền kề trước đó, giá thỏa thuận giữa người	Giá thị trường của phần vốn góp hoặc cổ phần là: a) Giá giao dịch bình quân trong vòng 30 ngày liền kề trước ngày xác định giá hoặc giá	Nhằm tăng tính minh bạch, khách quan và phù hợp với thực tiễn phát triển thị trường vốn. Việc này sẽ giúp giảm thiểu rủi ro tranh chấp,

	bán và người mua hoặc giá do một tổ chức thẩm định giá xác định.	thỏa thuận giữa người bán và người mua hoặc giá do một tổ chức thẩm định giá xác định đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch chứng khoán; b) Giá giao dịch trên thị trường tại thời điểm liền kề trước đó hoặc giá thỏa thuận giữa người bán và người mua hoặc giá do một tổ chức thẩm định giá xác định đối với phần vốn góp hoặc cổ phần không thuộc điểm a khoản này. .	tăng cường niềm tin của nhà đầu tư và hỗ trợ quản lý nhà nước hiệu quả hơn
Giấy tờ pháp lý của cá nhân	Giấy tờ pháp lý của cá nhân là một trong các loại giấy tờ sau đây: thẻ Căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác.	Giấy tờ pháp lý cá nhân là một trong các loại giấy tờ sau đây: thẻ Căn cước công dân, Hộ chiếu, giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác	Bỏ Giấy chứng minh nhân dân do không phù hợp với thực tiễn.
Chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp	Không quy định	Chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp có tư cách pháp nhân (sau đây gọi là chủ sở hữu	Xác định rõ người thực sự kiểm soát và hưởng lợi từ doanh nghiệp: Từ đó, các cơ quan quản lý nhà nước

		hưởng lợi của doanh nghiệp) là cá nhân có quyền sở hữu trên thực tế vốn điều lệ hoặc có quyền chi phối đối với doanh nghiệp đó, trừ trường hợp người đại diện chủ sở hữu trực tiếp tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và người đại diện phần vốn nhà nước đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên theo quy định của pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.	có cơ sở để giám sát, kiểm tra, đồng thời tăng cường trách nhiệm của doanh nghiệp trong việc kê khai và công khai thông tin.
--	--	---	--

2. Bổ sung khoản 5a vào sau khoản 5 Điều 8 như sau:

“5a. Thu thập, cập nhật, lưu giữ thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp; cung cấp thông tin cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xác định chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp khi được yêu cầu.”.

Để quy định rõ nghĩa vụ của doanh nghiệp và người có liên quan đối với vấn đề chủ sở hữu hưởng lợi theo hướng Doanh nghiệp thực hiện đầy đủ, kịp thời nghĩa vụ về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, công khai thông tin về thành lập và hoạt động của doanh nghiệp; thu thập, cập nhật, lưu trữ thông tin về Chủ sở hữu hưởng lợi; báo cáo và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này. Doanh nghiệp chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, thông tin về Chủ sở hữu hưởng lợi và các báo cáo; trường hợp phát hiện thông tin đã kê khai hoặc báo cáo thiếu chính xác, chưa đầy đủ thì phải kịp thời sửa đổi, bổ sung các thông tin đó.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 13 như sau:

“2. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp chịu trách nhiệm cá

nhân theo quy định của pháp luật đối với thiệt hại cho doanh nghiệp do vi phạm trách nhiệm quy định tại khoản 1 Điều này. ”.

Bổ sung quy định về trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp trong việc thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho doanh nghiệp về doanh nghiệp mà mình, người có liên quan của mình là Chủ sở hữu hưởng lợi; Cung cấp chính xác, đầy đủ các thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật và hợp tác với cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu để xác định chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 và khoản 5 Điều 16 như sau:

“4. Kê khai giả mạo, kê khai không trung thực, kê khai không chính xác nội dung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và nội dung hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.

5. Kê khai không vốn điều lệ thông qua hành vi không góp đủ số vốn điều lệ như đã đăng ký mà không thực hiện đăng ký điều chỉnh vốn điều lệ theo quy định của pháp luật; cố ý định giá tài sản góp vốn không đúng giá trị. ”.

Bổ sung quy định hành vi bị nghiêm cấm “Kê khai giả mạo”; làm rõ hành vi Kê khai không vốn điều lệ nhằm tháo gỡ vướng mắc, bất cập cho doanh nghiệp, nâng cao hiệu quả thực thi Luật Doanh nghiệp, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật, không tác động đến các luật khác, đồng thời không làm phát sinh thủ tục hành chính do việc sửa đổi, bổ sung chủ yếu liên quan đến chỉnh lý kỹ thuật quy định tại Luật Doanh nghiệp.

5. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 và điểm b khoản 3 của Điều 17 như sau:

“2. Tổ chức, cá nhân sau đây không có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam

b. Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức, trừ trường hợp được thực hiện theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; ”

“3. Tổ chức, cá nhân có quyền góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp vào công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh theo quy định của Luật này, trừ trường hợp sau đây:

b. Đối tượng không được góp vốn vào doanh nghiệp theo quy định của Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức và Luật Phòng, chống tham nhũng, trừ trường hợp được thực hiện theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. ”.

Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 và điểm b khoản 3 tại Điều 17 theo hướng cho phép mở rộng đối tượng viên chức là các nhà khoa học được tham gia thành lập, được góp vốn vào doanh nghiệp quản lý doanh nghiệp kinh doanh các sản phẩm khoa học được nghiên cứu nhằm tăng khả năng thúc đẩy hoạt động thương mại hóa các sản phẩm khoa học, trí tuệ và chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học công nghệ.

6. Sửa đổi, bổ sung tên Điều, đoạn mở đầu của Điều 25 và bổ sung khoản 5 vào sau khoản 4 Điều 25 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung tên Điều như sau:

“Điều 25. Danh sách thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh, danh sách cổ đông sáng lập và cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài đối với công ty cổ phần, danh sách chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp”;

b) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu như sau:

“Danh sách thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh, danh sách cổ đông sáng lập và cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài đối với công ty cổ phần, danh sách chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:”;

c) Bổ sung khoản 5 vào sau khoản 4 như sau:

“5. Danh sách chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây: họ, tên; ngày, tháng, năm sinh; quốc tịch; dân tộc; giới tính; địa chỉ liên lạc; tỷ lệ sở hữu hoặc quyền chi phối; thông tin về giấy tờ pháp lý của cá nhân chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp.”.

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 31 như sau:

“1. Doanh nghiệp phải thông báo với Cơ quan đăng ký kinh doanh khi có thay đổi một trong các nội dung sau đây:

a) Ngành, nghề kinh doanh;

b) Cổ đông sáng lập và cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài đối với công ty cổ phần, trừ trường hợp đối với công ty niêm yết và công ty đăng ký giao dịch chứng khoán;

c) Thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp, trừ trường hợp đối với công ty niêm yết và công ty đăng ký giao dịch chứng khoán;

d) Nội dung khác trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp.”.

Luật Doanh nghiệp quy định doanh nghiệp phải đăng ký, thông báo khi có thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp. Tuy vậy, cả doanh nghiệp và cơ quan đăng ký kinh doanh đều lúng túng trong việc thực hiện quy định này, đặc biệt là nội dung và thời điểm thay đổi cần phải thông báo, ví dụ, việc thay đổi người đại diện theo pháp luật được tính từ ngày bổ nhiệm người đại diện theo pháp luật hay là ngày được cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

8. Bổ sung khoản 1a vào sau khoản 1 Điều 33 như sau:

“1a. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật có quyền đề nghị Cơ quan quản lý nhà nước về đăng ký kinh doanh cung cấp thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp được lưu giữ trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp để phục vụ công tác về phòng, chống rửa tiền và không phải trả phí.”

Việc bổ sung quy định này cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn trong công tác phòng, chống rửa tiền. Thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi là yếu tố then chốt để phát hiện các hành vi rửa tiền, tài trợ khủng bố, trốn thuế hoặc

các hành vi gian lận tài chính khác, do đây thường là những cá nhân thực sự kiểm soát doanh nghiệp nhưng đứng sau các pháp nhân trung gian. Quy định này cũng phù hợp với các khuyến nghị quốc tế của Nhóm đặc trách hành động tài chính (FATF), yêu cầu các quốc gia đảm bảo cơ quan chức năng có thể tiếp cận nhanh chóng và hiệu quả các thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi. Việc không thu phí khi cung cấp thông tin giúp loại bỏ rào cản trong quá trình phối hợp, từ đó nâng cao hiệu quả chia sẻ thông tin giữa các cơ quan nhà nước, góp phần tăng cường minh bạch, thống nhất và hiệu quả trong công tác quản lý nhà nước, đặc biệt là trong lĩnh vực phòng, chống rửa tiền.

9. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 52 như sau:

“a) Chào bán phần vốn góp đó cho thành viên còn lại theo tỷ lệ tương ứng với phần vốn góp của thành viên còn lại trong công ty với cùng điều kiện chào bán;”.

Quy định này có ý nghĩa quan trọng trong việc bảo vệ quyền lợi của các thành viên hiện hữu trong công ty trách nhiệm hữu hạn, đồng thời đảm bảo tính minh bạch, công bằng trong quá trình chuyển nhượng phần vốn góp. Cụ thể, quy định này xác lập quyền ưu tiên mua phần vốn góp cho các thành viên hiện tại của công ty, theo tỷ lệ tương ứng với phần vốn góp mà họ đang sở hữu. Điều này giúp họ có cơ hội giữ vững hoặc duy trì tỷ lệ sở hữu, tránh tình trạng bị giảm tỷ lệ kiểm soát trong công ty khi một thành viên khác có nhu cầu chuyển nhượng vốn góp. Bên cạnh đó, việc yêu cầu cùng điều kiện chào bán đảm bảo sự công bằng giữa các thành viên – không có sự phân biệt hay ưu đãi không minh bạch khi chuyển nhượng vốn góp, tránh tình trạng chuyển nhượng cho bên thứ ba với điều kiện ưu đãi hơn để loại bỏ hoặc làm suy yếu quyền của các thành viên còn lại.

10. Bổ sung khoản 9 vào sau khoản 8 Điều 57 như sau:

“9. Nội dung liên quan đến trình tự, thủ tục mời họp, triệu tập họp Hội đồng thành viên trong trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 56 thực hiện tương ứng theo các quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5 và 6 Điều này. Chi phí hợp lý cho việc triệu tập và tiến hành họp Hội đồng thành viên sẽ được công ty hoàn lại.”.

Việc bổ sung quy định hướng đến việc làm rõ trình tự, thủ tục triệu tập họp Hội đồng thành viên trong tình huống bất thường, khi người quản lý (chẳng hạn Chủ tịch Hội đồng thành viên) không triệu tập họp theo yêu cầu chính đáng của thành viên công ty. Bằng việc dẫn chiếu đến các khoản 2, 3, 4, 5 và 6 của cùng điều luật, quy định này đảm bảo rằng thành viên có quyền triệu tập cuộc họp vẫn phải tuân thủ đúng quy trình (về thời hạn thông báo, nội dung thông báo, hình thức gửi thông báo...), từ đó bảo đảm tính hợp lệ và minh bạch của cuộc họp. Nhằm tăng cường minh bạch, bảo vệ quyền lợi thành viên, thúc đẩy quản trị doanh nghiệp hiệu quả và khắc phục tình trạng trì hoãn, né tránh trách nhiệm của người quản lý trong việc triệu tập họp Hội đồng thành viên.

11. Sửa đổi, bổ sung một số điểm của khoản 5 Điều 112 theo hướng quy định rõ hơn về hoàn trả một phần vốn góp cho cổ đông và việc giảm

vốn điều lệ sau khi hoàn lại vốn góp theo yêu cầu của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi hoàn lại như sau:

Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, công ty hoàn trả một phần vốn góp cho cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ trong công ty nếu công ty đã hoạt động kinh doanh từ 02 năm trở lên kể từ ngày đăng ký thành lập doanh nghiệp không kể thời gian đăng ký tạm ngừng kinh doanh và bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác sau khi đã hoàn trả cho cổ đông;

Công ty hoàn lại vốn góp theo yêu cầu, điều kiện được ghi tại cổ phiếu cho cổ đông sở hữu cổ phần có quyền ưu đãi hoàn lại theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty.

12. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 115 như sau:

“4. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông quy định tại khoản 3 Điều này phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.”

Quy định thêm trách nhiệm của Cổ đông hoặc nhóm cổ đông trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Quy định này có ý nghĩa trong việc đảm bảo sự minh bạch, ngăn ngừa lạm quyền, tăng cường trách nhiệm cá nhân của cổ đông hoặc nhóm cổ đông trong quá trình thực hiện quyền yêu cầu triệu tập ĐHĐCĐ, góp phần bảo vệ tính ổn định và hợp pháp trong quản trị công ty cổ phần.

13. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 141 như sau:

“1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông, sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán của công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn ngắn hơn.”

Bên cạnh sổ đăng ký cổ đông truyền thống (thường do công ty tự quản lý hoặc nhờ tổ chức khác quản lý), các công ty có chứng khoán phát hành ra công chúng phải sử dụng sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán. Việc bổ sung quy định này giúp đảm bảo việc xác định cổ đông được quyền tham gia họp dựa trên cả hai nguồn dữ liệu hợp pháp, từ đó phản ánh đúng quyền sở hữu và

tránh thiếu sót.

14. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 Điều 207 như sau:

“c) Công ty không còn đủ số lượng thành viên, cổ đông tối thiểu theo quy định của Luật này trong thời hạn 06 tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp;”.

Sửa đổi bổ sung trường hợp và điều kiện giải thể doanh nghiệp thêm thuật ngữ “cổ đông tối thiểu” điều này được hiểu Luật Doanh nghiệp quy định rõ từng loại hình doanh nghiệp (như công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty cổ phần...) phải có số lượng thành viên/cổ đông tối thiểu (ví dụ: công ty cổ phần tối thiểu 3 cổ đông). Khi công ty không còn đáp ứng điều kiện này, việc tiếp tục tồn tại dưới hình thức cũ là không còn phù hợp với quy định pháp luật. Quy định mới yêu cầu công ty phải chuyển đổi loại hình hoặc giải thể nếu không khắc phục, nhằm bảo đảm tính đúng đắn về pháp lý.

15. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 của Điều 215 như sau:

“3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp trong phạm vi địa phương, có trách nhiệm tổ chức Cơ quan đăng ký kinh doanh, ban hành quy trình kiểm tra nội dung về đăng ký kinh doanh trên địa bàn bảo đảm công khai, minh bạch.”;

Quy định này nhằm bảo đảm công khai, minh bạch, có ý nghĩa quan trọng trong việc tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước tại địa phương. Điều này giúp nâng cao tính minh bạch trong hoạt động đăng ký kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong việc tiếp cận dịch vụ công và giám sát chặt chẽ hơn các hoạt động kinh doanh trên địa bàn, đồng thời góp phần xây dựng môi trường kinh doanh lành mạnh, công bằng và hiệu quả.

16. Bổ sung điểm h vào sau điểm g khoản 1 Điều 216 như sau:

“h) Lưu giữ thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp ít nhất 05 năm kể từ ngày doanh nghiệp giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật.”.

Quy định về việc lưu giữ thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp ít nhất 05 năm kể từ ngày doanh nghiệp giải thể, phá sản có ý nghĩa quan trọng trong việc bảo đảm tính minh bạch và trách nhiệm pháp lý sau khi doanh nghiệp chấm dứt hoạt động. Việc lưu trữ thông tin này giúp cơ quan quản lý và các bên liên quan có thể truy xuất, kiểm tra nhằm phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra, điều tra phòng chống các hành vi vi phạm pháp luật như rửa tiền, trốn thuế, gian lận tài chính hoặc tranh chấp liên quan đến quyền lợi của các bên. Đồng thời, quy định này góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, ngăn chặn việc lợi dụng việc giải thể, phá sản để trốn tránh trách nhiệm pháp lý.

17. Bổ sung khoản 6 vào sau khoản 5 Điều 217 như sau:

“6. Chính phủ quy định chi tiết tiêu chí xác định, chủ thể kê khai và việc kê khai thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp, thông tin để xác định chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp, cung cấp, lưu giữ, chia sẻ thông

tin về chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp.”

Việc bổ sung quy định này có ý nghĩa quy định này giúp hoàn thiện khung pháp lý về quản lý thông tin chủ sở hữu hưởng lợi, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và bảo vệ lợi ích hợp pháp của các bên liên quan trong hoạt động doanh nghiệp..Làm rõ tiêu chí để xác định chính xác ai là chủ sở hữu hưởng lợi thực sự, tránh việc che giấu hoặc giả mạo thông tin.Xác định rõ ràng các chủ thể có trách nhiệm kê khai thông tin, đảm bảo tính chính xác và đầy đủ của dữ liệu.Thiết lập quy trình chuẩn mực cho việc cung cấp, lưu giữ và chia sẻ thông tin, giúp các cơ quan chức năng dễ dàng phối hợp, kiểm tra và giám sát hoạt động doanh nghiệp. Góp phần xây dựng hệ thống quản lý thông tin hiệu quả, minh bạch, hỗ trợ công tác phòng, chống rửa tiền và các vi phạm pháp luật khác liên quan đến doanh nghiệp.

18. Thay thế từ “sách nhiễu” bằng từ “những nhiễu” tại khoản 1 Điều 16

Việc thay thế từ “sách nhiễu” bằng từ “những nhiễu” có ý nghĩa quan trọng cả về mặt ngôn ngữ pháp lý và chuẩn hóa cách sử dụng thuật ngữ trong hệ thống pháp luật. Từ “những nhiễu” đã được sử dụng phổ biến và chính thức trong nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác, đặc biệt là trong Luật Phòng, chống tham nhũng, để chỉ hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây khó dễ cho tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính, với mục đích vụ lợi. Việc sử dụng từ “những nhiễu” giúp đồng bộ hóa ngôn ngữ pháp lý và thống nhất cách hiểu trong toàn bộ hệ thống pháp luật.

19. Hiệu lực thi hành

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

20. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với doanh nghiệp được đăng ký thành lập trước thời điểm Luật này có hiệu lực thi hành thì việc bổ sung thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp (nếu có), thông tin để xác định chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp (nếu có) được thực hiện đồng thời tại thời điểm doanh nghiệp thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp gần nhất, trừ trường hợp doanh nghiệp có yêu cầu bổ sung thông tin sớm hơn.

Đối với các đợt chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ đã gửi nội dung công bố thông tin trước đợt chào bán cho Sở giao dịch chứng khoán trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2022/QH15./.